

**PHỤ LỤC SỐ 05
APPENDIX 05**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH
Sieu Thanh Joint Stock Corporation

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 98/BCQT-HĐQT/ST8
No.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2016
HCMC, 08th July, 2016

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY NIÊM YẾT
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE OF LISTING COMPANY
(06 tháng/2016)
(06 months/2016)**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

To: - The State Securities Commission
- The Stock Exchange

- Tên công ty niêm yết/Name of listing company: **CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU THANH**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: **A20 Tân Phong, Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp. HCM**
- Điện thoại/ Telephone: **08.6262.6688** Fax: **08.6262.6777** Email: **info@st8.vn**
- Vốn điều lệ/ Charter capital: **197.855.490.000 VNĐ**
- Mã chứng khoán/ Securities code: **ST8**

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of Shareholders*

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ *Information on meetings and resolutions / decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
01	40/NQ-ĐHĐCĐ/ST8	26/04/2016	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2016

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Board of Management (Semi-annual/annual reports):*

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Management:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ BOM's member	Chức vụ/ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Day becoming/no longer member of the Board of Management	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of attendance	Tỷ lệ tham dự họp/ Percentage	Lý do không tham dự họp/ Reasons for absence
01	Ông Mr. YUNG CAM MENG	Chủ tịch HĐQT		04	100%	
02	Ông Mr. DAVID CAM HAO ONG	P. Chủ tịch HĐTQ		04	100%	
03	Ông Mr. VÕ VĂN CHÍNH	Thành viên HĐQT		04	100%	
04	Ông Mr. LÊ VĂN HÀ	Thành viên HĐQT		04	100%	
05	Ông Mr. NGUYỄN HỮU NAM	Thành viên HĐQT		04	100%	

06	Ông Mr. NGUYỄN ĐÌNH NHU	Thành viên HĐQT		04	100%	
07	Bà Ms. ĐÌNH THỊ HỒNG VÂN	Thành viên HĐQT		04	100%	

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ Supervision by the BOD over the Director (General Director):

- Việc giám sát hoạt động kinh doanh của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc luôn sâu sát và hỗ trợ kịp thời để thúc đẩy hoạt động kinh doanh theo xu hướng tốt nhất. Bên cạnh đó luôn nhắc nhở các đơn vị cố gắng phát huy các mặt chưa tốt để khắc phục trong hoạt động kinh doanh tạo động lực tăng trưởng doanh số và thu được lợi nhuận cao nhất.
- Theo dõi sâu sát việc thực hiện kế hoạch mà HĐQT đã giao trong năm 2016, hỗ trợ kịp thời để các Đơn vị đạt được chỉ tiêu kế hoạch.
- Công tác đào tạo, nhân sự luôn được chú trọng. Song song với việc đào tạo nâng cao trình độ, chất lượng nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên.
- Quan tâm và không ngừng nâng cao các chính sách, quyền lợi của người lao động. Cam kết chi trả lương đầy đủ, đúng thời gian.

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/ Activities of the Board of Directors' committees:

- Tiểu ban lương thưởng và Tiểu ban nhân sự luôn đồng hành để hỗ trợ HĐQT trong các chính sách lương thưởng cùng chế độ đãi ngộ nhân sự, không để xảy ra tranh chấp nào trong nội bộ giữa người lao động và lãnh đạo Công ty.
- Thay đổi kịp thời các chính sách đáp ứng phù hợp với các Quy định có liên quan.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/2016)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual/annual reports):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
01	46/QĐ-HĐQT/ST8	29/04/2016	Thanh toán cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10% đợt 1 năm 2016
02	47/QĐ-HĐQT/ST8	29/04/2016	Phương án phát hành cổ phiếu thưởng kết hợp chia cổ phiếu quỹ và xử lý cổ phiếu lẻ
03	67/QĐ-HĐQT/ST8	20/05/2016	Ký hợp đồng kiểm toán độc lập BCTC 2016: Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Supervisory Board (Semi-annual/annual reports):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Supervisory Board:

Stt No.	Thành viên BKS <i>Members of Supervisory Board</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS <i>Day becoming/no longer member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp BKS tham dự <i>Number of attendance</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Percentage</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
01	Bà Ms. PHẠM THỊ THANH HƯỜNG	Trưởng BKS		01	100%	
02	Bà Ms. CÁI KIM THOÀ	TV. BKS		01	100%	
03	Bà Ms. NGUYỄN HỒNG CÚC PHƯƠNG	TV. BKS		01	100%	

2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Surveillance activities of the Supervisory Board toward the Board of Management, Board of Directors and shareholders:*

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT. Ban kiểm soát tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động kinh doanh của Công ty tại các cuộc họp của HĐQT.
- Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2016.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc theo đúng Nghị quyết HĐQT.
- Giám sát, kiểm tra các hoạt động liên quan đến quan hệ cổ đông như: cập nhật thông tin cổ đông, các vấn đề liên quan đến cổ phần, cổ phiếu; và hoạt động công bố thông tin.
- Kiểm soát tình hình góp vốn và tham gia quản lý vốn góp, hiệu quả vốn góp vào các công ty con của Công ty.
- Kiểm soát định kỳ theo điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Supervisory Board with the Board of Management, Board of Directors and different managers:*

- Ban kiểm soát luôn đóng vai trò kết nối Bộ máy quản trị giữa HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và Các cán bộ quản lý khác trên tinh thần đoàn kết chặt chẽ. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ máy này tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững hôm nay và trong tương lai.

4. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the Supervisory Board (if any):*

- Cập nhật các thay đổi về Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát để có thể áp dụng vào thực tế tại Công ty.

IV. Đào tạo về quản trị công ty/ *Training on corporate governance:*

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/ *Training courses on corporate governance which members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO), other managers and company secretary was involved in accordance with regulations on corporate governance:*

- Mặc dù Công ty không có thời gian, điều kiện mở triển khai các khóa đào tạo về quản trị công ty. Tuy nhiên, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký HĐQT công ty tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, Trung tâm LKCK và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

V. Danh sách về người có liên quan của công ty niêm yết theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / *List of affiliated persons of the public company as specified in clause 34, Article 6 of the Securities Law (Semi-annual/annual reports) and transactions of affiliated persons of the Company with the Company)*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *List of affiliated persons of the Company*

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliate d person</i>	Lý do <i>Reasons</i>
01	Yung Cam Meng		CT. HĐQT/ Tổng Giám đốc					
02	David Cam Hao Ong		Phó CT. HĐQT/ Phó TGD					
03	Võ Văn Chính		TV. HĐQT					
04	Lê Văn Hà		TV. HĐQT					
05	Nguyễn Hữu Nam		TV. HĐQT					
06	Nguyễn Đình Nhu		TV. HĐQT/ Phó TGD					
07	Đình Thị Hồng Vân		TV. HĐQT/ Phó TGD					
08	Phạm Thị Thanh Hương		Trưởng BKS					

09	Cái Kim Thoa		TV. BKS					
10	Nguyễn Hồng Cúc Phương		TV. BKS					
11	Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh		Công ty con					
12	Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh		Công ty con					
13	Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh		Công ty con					
14	Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn		Công ty con					

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the company and the affiliated persons or between the company and major shareholders, internal persons and related person of internal person.

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/ individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relation ship	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với công ty/ Time of transactions	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Number of resolutions / decisions of the AGM / BOM adopted (if any, specify date of issue)	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction	Ghi chú Note

--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú/Note: Số Giấy NSH: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/ NSH*: In case of individual: ID card/Passport No.; In case of organization: License of establishment and operation/Certificate of business registration/equivalent legal documents.*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal person of listed company and company's subsidiaries, or the company in which listed company takes controlling power

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relations hip with internal person	Chức vụ tại CTNY Posittion at listed company	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/ Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ Address	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát Name of subsidiaries, the company which listed company control	Thời điểm giao dịch Time of transaction	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch/ Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction	Ghi chú Note

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the company and other objects

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ *Transactions between the company and the company that members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) has been a founding member or members of Board of Management, Director (CEO) in three (03) years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the company and the company that related person of members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO) as a member of Board of Management, Director (CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Other transactions of the company (if any) may be beneficial material or immaterial for members of Board of Management, members of the Supervisory Board, Director (CEO).*

VI. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Transactions of internal persons and related person of internal person (Semi-annual/annual reports)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ List of internal persons and their affiliated persons

Stt No.	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period(%)	Ghi chú Note
01	Yung Cam Meng		CT. HĐQT/ TGD			4,702,900	23.77	
	Phạm Thị Mai Duyên					4,053,710	20.49	
	Yung Man Kit							
	Yung Minh Kha							
	Yung Mei Kei							
	Yung Minh Khang							
	Ong Muối							
	Ong Cẩm Cơ							
	David Cam Hao Ong		PCT. HĐQT/ P.TGD			4,939,821	24.97	
	Ong Cẩm Châu							
	Ong Nho De							
	Ong Binh Co							
02	David Cam Hao Ong		PCT. HĐQT/ P. TGD			4,939,821	24.97	
	Yung Cam Meng		CT. HĐQT/ TGD			4,702,900	23.77	
	Jane Jang							

	Bonnie Ong							
	Sharon Ong							
03	Võ Văn Chính		TV. HDQT			1,221,854	6.18	
	Nguyễn Thị Hồng							
	Võ Hồng Phúc							
	Võ Thị Đoan Trang							
	Võ Chính Thành							
	Võ Văn Lượng							
	Võ Thành Đứng							
	Võ Thị Lan							
	Võ Văn Khôi							
04	Lê Văn Hà		TV. HDQT			438,000	2.21	
	Hà Thị Loan							
	Lê Quang Huy							
	Lê Đức Nghĩa							
	Lê Văn Xuân							
	Lê Thị Vũ							
	Lê Văn Khánh							
	Lê Thị Hạnh							
	Lê Văn Hiếu							
	Lê Ngọc Trung							
05	Nguyễn Hữu Nam		TV. HDQT			198,000	1.00	
	Nguyễn Thị Thu Hà							
	Nguyễn Vũ Hạ							

	Nguyễn Nam Cát Tường							
	Nguyễn Nam Cát Trân							
	Nguyễn Hữu Đo							
	Nguyễn Hữu Bôn							
	Nguyễn Hữu Đôn							
	Nguyễn Hữu Hình							
	Nguyễn Hữu Đông							
	Nguyễn Hữu Minh							
06	Nguyễn Đình Nhu		TV. HĐQT. P. TGD/ Người được ủy quyền CBTT			354,510	1.8	
	Bùi Thị Trâm							
	Vương Thị Xuân Dung							
	Nguyễn Thị Phương Nga							
	Nguyễn Đình Khiêm							
	Nguyễn Thị Phương Thùy							
	Nguyễn Thị Phương Mỹ							
	Nguyễn Đình Lập							
	Nguyễn Thị Phương Vi							
	Nguyễn Thị Phương Thảo							
	Nguyễn Đình Thuận							
	Nguyễn Trí Nhân							
	Nguyễn Trí Nghĩa							
07	Đình Thị Hồng Vân		TV. HĐQT/ P. TGD			60,819	0.31	
	Nguyễn Thị Hồng Lượm							

	Hứa Văn Lượm							
	Hứa Hữu Phước							
	Hứa Cát Linh							
	Đinh Hồng Tín							
	Đinh Hồng Trung							
08	Phạm Thị Thanh Hương		Trưởng BKS			8,244	0.04	
	Phạm Trung Long							
	Nguyễn Thị Oanh							
	Nguyễn Duy Quang							
	Phạm Quỳnh Anh							
	Phạm Tấn Đạt							
	Phạm Thùy Dương							
09	Cái Kim Thoa		TV. BKS			12	0.00	
	Cái Trung Liệt							
	Phạm Thị Đê							
	Ngô Quang Thành					9,313	0.05	
	Ngô Quang Hưng							
	Cái Trung Hậu							
	Cái Kim Cương							
	Cái Kim Xoàn							
	Cái Hậu Phương							
10	Nguyễn Hồng Cúc Phương		TV. BKS					
	Nguyễn Văn Điều							
	Nguyễn Hồng Loan							

	Nguyễn Thúc Thành Tín							
11	Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh							
12	Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh							
13	Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh							
14	Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn							

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết/ Transactions of internal persons and affiliated persons on shares of the listed company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal person</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage (%)</i>	Số cổ phiếu <i>Number of shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage (%)</i>	
01	Yung Cam Meng	CT. HĐQT/ TGD	3,919,084	23.7	4,702,900	23.8	Nhận cổ tức: 783,816 cổ phiếu
02	David Cam Hao Ong	PCT. HĐQT/ P. TGD	4,116,518	24.9	4,939,821	25.0	Nhận cổ tức: 823,303 cổ phiếu
03	Phạm Thị Mai Duyên	Vợ Yung Cam Meng – CT. HĐQT	3,428,092	20.7	4,053,710	20.49	Bán: 50,000 cổ phiếu Nhận cổ tức: 675,618 cổ phiếu
04	Võ Văn Chính	TV. HĐQT	1,018,212	6.15	1,221,854	6.2	Nhận cổ tức: 203,642 cổ phiếu
05	Lê Văn Hà	TV. HĐQT	165,000	1.0	438,000	2.2	Mua: 200,000 cổ phiếu Nhận cổ tức: 73,000 cổ phiếu
06	Nguyễn Hữu Nam	TV. HĐQT	165,000	1.0	198,000	1.0	Nhận cổ tức: 33,000 cổ phiếu
07	Nguyễn Đình Nhu	TV. HĐQT/ Phó TGD	295,425	1.8	354,510	1.8	Nhận cổ tức: 59,085 cổ phiếu
08	Đình Thị Hồng Vân	TV. HĐQT/ Phó TGD	50,683	0.3	60,819	0.3	Nhận cổ tức: 10,136 cổ phiếu

09	Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng BKS	6,870	0.0	8,244	0.0	Nhận cổ tức: 1,374 cổ phiếu
10	Cái Kim Thoa	TV. BKS	10	0.0	12	0.0	Nhận cổ tức: 02 cổ phiếu
11	Ngô Quang Thành	Chồng Cái Kim Thoa – TV. BKS	7,761	0.05	9,313	0.05	Nhận cổ tức: 1,552 cổ phiếu

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ đông, HĐQT đã hoàn tất thủ tục chia cổ tức đợt 1 bằng tiền 10% cho các cổ đông, phát hành cổ phiếu thưởng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu kết hợp chia cổ phiếu quỹ tỷ lệ 20% và niêm yết số cổ phiếu chia cổ tức này trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Thường niên 2016.

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOD

(Đã ký)

YUNG CAM MENG